

MỘT SỐ LUẬT TỤC GẮN VỚI TÔN GIÁO - tín ngưỡng các dân tộc thiểu số Quảng Nam

TΣ. BÙI QUANG THANH*

Tiền núi Quảng Nam là nơi cư trú lâu đời của bốn nhóm dân tộc thiểu số Catu, Xêđăng, Giẻ-Triêng và Cor. Theo số liệu thống kê năm 2004, các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam sinh sống tại 70 xã, 381 thôn, trên 700 điểm dân cư của 11 huyện và thị xã, với dân số khoảng 99.637 người (chiếm khoảng 6,2% dân số toàn tỉnh), trong đó dân tộc Catu là 41.605 người, Cor là 5.110 người, Giẻ-Triêng là 20.956 người và Xêđăng là 30.323 người¹. Giống như nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số khác sinh sống trên lãnh thổ nước ta, đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam hiện nay vẫn duy trì và sử dụng/vận dụng khá nhiều luật tục, phong tục truyền thống trong đời sống xã hội.

Các luật tục - phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số ở Quảng Nam là những quy ước mang tính thực hành xã hội và được coi là hình thức phát triển tích cực trong quá trình xây dựng thiết chế chung cho cộng đồng, bảo vệ cộng đồng trước mọi biến động của tự nhiên và xã hội. Đây cũng chính là đối tượng có tính phức tạp, hiện còn ít được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu.

Luật tục gắn với tôn giáo, tín ngưỡng, nghi lễ của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam được ra đời và chịu ảnh hưởng bởi thế giới quan và nhân sinh quan truyền thống. Ở khá nhiều trường hợp, luật tục được hiểu nghĩa, tương đương với phong tục - tập quán của nhóm tộc người trên một địa bàn cư trú nhất định. Thông qua sự ràng buộc của luật tục - tập tục với việc thực hành các lễ nghi, tôn giáo - tín ngưỡng, có

thể nhận ra những quan niệm cùng trình độ nhận thức của đồng bào các dân tộc về sự sống và cái chết, thế giới siêu nhiên và xã hội con người, chu trình vòng đời người và ứng xử của con người với thực tại khách quan.

Trong xã hội truyền thống bộ lạc xưa kia, đồng bào các dân tộc gặp nhau ở cùng một niềm tin sâu sắc về sự tồn tại của thế giới thần linh và linh hồn. Theo thế giới quan của người Cor, con người bao gồm nhiều hồn vía và chịu sự chi phối bởi thế giới thiêng. Mỗi người đàn ông có 18 phol (vía) và 18 phok (hồn), đàn bà có 19 phol và 18 phok. Phol và phok cũng mơ hồ, tương tự như hồn, vía của người Việt. Người Cor dùng danh từ ka mucy (ma) để chỉ siêu linh tàng ẩn ở cây đa cổ thụ (ka mucy dri), ở vườn quế (ka mucy quế)..., và đặc biệt gắn với con người sau khi đã chết. Đồng bào quan niệm người chết bình thường (chết già, chết vì đau ốm) sẽ hoá thành ka mucy ka đđah (ma lành); còn chết bất đắc kỳ tử (vì cọp bắt, ngã cây, đâm chém, sét đánh, chết đuối, chết lúc mang thai hay đi đẻ...) thì biến thành ka mucy xấu (ma dữ). Đặc biệt, nếu có người chết vì sinh nở, cả làng phải giết hết súc vật để cúng thần linh, ma của nó rồi chuyển làng đến chỗ khác.

Người Cor tin rằng, hầu hết mọi vật đều có linh hồn; từ các bộ phận kết cấu ngôi nhà ở cho đến các hốc ngầm trên rẫy.v.v... đều có thần linh trú ngụ. Họ tưởng tượng trên các đỉnh núi cao là nơi trú ngụ của thần linh, khiến họ không dám phát chặt cây cối và đốt lửa quanh đó. Họ nhân cách hoá, thần thánh hoá những đỉnh núi để gọi là núi Ông, núi Bà; họ cho rằng, có nước uống là nhờ kmauych ăm đak (ma cho nước); trong tun có mah pih ngự tại hòn đá cái đầu

* VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
VIỆT NAM

rau; của cải sinh sôi nhờ koi ām hang (ông cho của cải), các thần koi puk plây có liên quan tới việc sinh tồn của làng; koi puk như mang dáng dấp vị "thần nhà", "ma nhà" có sứ mệnh trông coi nhà cửa. Họ rất quan tâm đến các dấu hiệu bất thường, đặc biệt là sự loại rắn tul (nếu thấy một con vào nhà là cả làng nghi ngờ nó báo hiệu điều xấu và có thể sẽ dời đi chỗ mới). Cũng như vậy, người Cor có tục thờ Thần lúa (mah koi ām ba - ông bà cho lúa), coi đây là vị thần mang lại thóc lúa, của cải cho gia đình, do đó họ thường xuyên tổ chức những nghi lễ để cúng thờ thần.

Giống như người Cor trước đây, người Catu cũng tổ chức nhiều lễ hội trong năm. Sau mùa triều lúa (khoảng tháng 2 - tháng 3 theo nông lịch Catu), người Catu tổ chức lễ ùchancatiếc để mừng mùa mới và cầu mong thần linh phù hộ cho mùa màng được tươi tốt. Khi lúa, bắp trên rẫy mọc xanh, đồng bào tiếp tục làm lễ ùpaluch để cầu thần linh không cho chim, chuột phá hoại mùa màng. Khi thu hoạch xong, người Catu tổ chức lễ chaharoo tamê mừng được mùa, tạ ơn trời đất đã đem lại hạt thóc, hạt lúa. Để kết nghĩa hay giải quyết mâu thuẫn với một làng nào đó, đồng bào có lễ Xơ và lễ Prongot, do hai làng cùng thực hiện. Nhưng lễ hội lớn nhất trong một năm là Tết, được tổ chức vào mùa xuân, gọi là chaplinh, khi mùa lúa đã thu hoạch xong và cất vào kho lúa. Lễ chaplinh tổ chức linh đình trong hai ngày hai đêm, sau đó đồng bào bắt đầu đi thăm viếng bà con, họ hàng.

Trong Vêêl của người Catu có khu rừng cẩm- "rừng ma", hay còn gọi là khu rừng nghĩa địa. Các thành viên trong làng khi chết đều được tập trung về đây chôn cất. Trong khu này, đồng bào sắp xếp các ngôi mộ tùy theo từng dòng họ (tô, cabu) nằm gần nhau, tạo nên một "cộng đồng" thống nhất. Khu "rừng ma" là hình ảnh cộng đồng của những người quá cố. Đồng bào Catu quan niệm, khi chết linh hồn vẫn không thoát khỏi cộng đồng. Nếu trong làng có người chết, dân làng sẽ nghỉ sản xuất trong 3 ngày. Trong thời gian ấy, ai đi làm sẽ bị làng xử phạt theo luật tục, tất cả cư dân trong làng, mỗi người một việc lo chôn cất người chết.

Tuy vậy, chỉ những người chết do ốm đau bình thường mới được chôn ở "rừng ma". Những người do con hổ, con rắn cắn, con gấu xé, cành cây, thân cây đè xuống hoặc leo trèo để thu hái

rồi bị rơi chết, những người tự ý sang vùng khác, vào nương rẫy của người khác mà bị trúng chông, trúng thò, sập bẫy rồi chết, hoặc những kẻ có hành động loạn luân, hung ác, đâm chém người khác... sẽ không bao giờ được chôn trong khu vực nghĩa địa của làng (làng ma). Theo họ, người chết đi, xác sẽ biến thành ma đi lang thang. Ma của những xác chết xấu thường đói khát, gian ác, chuyên gieo rắc những tai ương, bệnh dịch, mất mùa... cho dân làng. Trong lúc đưa ma loại này, người Catu không đánh chiêng, trống. Trẻ con phụ nữ không được nhìn hoặc theo đám tang. Chỉ có con trai trong dòng họ than ghen quan tài và trong lúc khiêng, họ không được ngoái đầu về phía làng. Nếu ngoái nhìn, quỷ Abhuy mõp sẽ lai vãng quấy nhiễu dân, biến nơi đang ở thành chốn rừng thiêng nước độc... Dân làng không ai dám chỉ tay vào người chết. Nếu chỉ tay thì các ngón tay sẽ bị cong queo, nếu nói về người chết xấu thì mồm sẽ bị méo mó...

Trước đây, khi có người chết lạ, bất đắc kỳ tử hoặc chết do sinh khó,... gọi chung là chết xấu (chêêt môp) trong làng, người Catu thường dời làng đi nơi khác, vì đồng bào tin làng của mình có ma ác do hồn người chết xấu hoà thành. Gặp trường hợp này, đồng bào sẽ làm lễ cúng, sau khi đã xoa dịu thần linh bằng cách hiến tế máu các loại thú mà vẫn không có kết quả, họ sẽ hiến tế bằng máu người. Nạn nhân có thể là một người tình cờ đi vào nơi phục kích, nhưng cũng có khi là một kẻ thù của làng. Theo lời kể của một số người già, có khi để mừng khánh thành gatel (ngôi nhà chung của làng) mới, người Catu xưa kia cũng lấy máu người để tế thần linh. Sau 1945, người Catu đã bỏ tục tế thần linh bằng máu người.

Người Catu tin tưởng có ngãi. Theo họ, củ amér là một loại ngãi rất hiếm, trong toàn huyện chỉ có một vài người có (!). Người con trai (hay con gái) nào muốn được con gái (hay con trai) yêu, hoặc muốn đi săn được nhiều thú, thì phải đi tìm kiếm (xin) củ amér về bỏ trong túi hay trong gùi, cất vào chỗ kín. Ngày ngày, người đó sẽ nếm củ amér một lần và ra đi. Gặp ai dọc đường chào hỏi, chỉ được trả lời qua quýt rồi đi tiếp. Gặp người mình yêu, thì nói chuyện thật lâu, cười thật nhiều. Vài lần như vậy là ngãi sẽ vận vào đối tượng, họ sẽ yêu anh (chị) mê mẩn suốt đời, yêu đến mù quáng, dẫu người đó đã có vợ hay có chồng (hình thức này giống

như kiểu bỏ bùa mê của một số dân tộc vùng Tây Bắc). Còn như muốn đặt bẫy hay đi săn thú, thì cũng nắm cùi ngai và ra đi, tối đa ba lần trong ba ngày, chắc chắn sẽ được con thú lớn.

Người Catu có luật tục quy định về lễ cưới và tang ma khá độc đáo. Trong trường hợp tổ chức đám cưới theo phong tục cướp vợ từ làng khác về, vấn đề không còn thuần túy là quan hệ giữa nhà trai và nhà gái, mà còn liên đới đến cả hai cộng đồng: về phía bên nam, phải có sự tham dự của trai làng để phục bắt cô gái về làm dâu; về phía bên nữ, cả làng có quyền yêu sách nhà trai, và nhà trai phải nộp làng nhà gái một con trâu. Khi một gia đình có người qua đời, dân làng dù đang giữa ngày mưa, cũng nghỉ việc ít nhất ba ngày; các hộ tùy tâm giúp đỡ tang gia dù chỉ là miếng thịt, hay con gà, ít gạo, rượu... Buổi đưa tang, cả làng phải cùng nhau đưa tiễn người chết đến khi mồ yên mả đẹp mới được về. Chỉ có những thành viên của làng mới được chôn trên bãi mộ làng, ngay cả phụ nữ đã đi lấy chồng ở làng khác cũng không được tính là người cùng làng với cha mẹ để ra mình. Lễ bỏ mả, hay đôn mả (tênh pinh), tuy do các gia đình có người chết tiến hành, nhưng lại được cả làng tham gia, nên trở thành lễ thức tập thể của dân làng.

Với một số nghi lễ cúng bái khác của gia đình, người làng cũng được mời. Ví dụ: vào tháng 12, nhân dịp mở kho lấy lúa mới về ăn và tìm đất rẫy cho năm sau, nếu có mổ lợn hiến tế, đàn ông trong làng được mời đến liên hoan; hay vào tháng 9, khi gia đình cúng cơm mới, dân làng cũng được mời dự, đàn ông ăn uống tại chỗ, còn đàn bà ở nhà nhưng khẩu phần được chia về,... Toàn thể cộng đồng làng có những kỳ tổ chức nghi lễ chung, đặc biệt là lễ cúng khi dựng cột giữa nhà gươl, khi nhà gươl vừa được dựng xong; lễ đâm trâu tập thể, thường thì mỗi năm một lần; lễ cúng cầu an khi có dịch bệnh nghiêm trọng;... Trong các cuộc tế lễ ấy, lời khấn cầu hướng tới thần linh, qua đó, dân làng mong được những điều tốt lành: lúa tốt, no ấm, đàn gà, heo nuôi sinh sôi, người khỏe mạnh, làng bình yên...

Trong đời sống chung ở làng, trước đây người Catu có nhiều dịp kiêng cữ tập thể, nội bộ nhất mực tuân theo; còn người ngoài thì phải tôn trọng ("người ngoài" ở đây bao gồm cả phụ nữ đã làm dâu làng khác). Khách không được vào làng khi đang cúng đâm trâu, khi có người

chết bất đắc kỳ tử, hay vào ngày đầu dựng gươl, ngày mở đầu vụ triều lúa, khi thu hoạch, ngày đi tìm đất để làm vụ rẫy mới... Nếu khách lạ cố ý vào làng trong những ngày này, sẽ bị phạt nặng nhẹ tùy theo sự phán quyết của già làng.

Đối với người Giẻ -Triêng, niềm tin về thế giới thần linh, linh hồn, ma quỷ có ảnh hưởng lớn tới cuộc sống sinh hoạt thường ngày và đòi hỏi sự tuân thủ luật tục một cách rất chặt chẽ trong cộng đồng.

Người Ve (nhóm địa phương của Giẻ Triêng) tin rằng, mọi hoạt động trong đời sống hàng ngày của con người đều do các lực lượng siêu nhiên (yang) chi phối. Ý niệm về yang ở người Ve chưa rõ và chưa có hệ thống. Đồng bào chỉ mới có quan niệm có yang lành và yang dữ. Yang lành gồm có các yang của trời, của đất, của nước và của làng, là những yang phù hộ cho con người, làm cho mùa màng tốt tươi, dân làng khoẻ mạnh. Yang dữ gồm có các yang của sấm sét, của đá, của cây đa,... là những yang gây ra bệnh tật, thiên tai, chết chóc. Theo quan niệm của đồng bào, các yang lành cũng có thể sinh ra giận dữ nếu dân làng xử sự sai, và trong trường hợp này, yang lành cũng sẽ gây ra tai họa như những yang dữ; nếu muốn sống yên lành thì dân làng cũng phải làm lễ hiến sinh, cầu xin sự hoà giải.

Về con người, đồng bào Ve tin rằng, bên cạnh phần xác, còn có phần hồn (mhol). Mhol quyết định sự sống của con người. Mỗi người có nhiều mhol, mhol chính ở trên đầu, các mhol khác ở trong các bộ phận của cơ thể. Khi mhol chính rời cơ thể, người sẽ chết.

Người Ve cũng quan niệm có cái chết lành (chit kmol) và cái chết dữ (chit præng). Chết lành là chết già, chết vì ốm đau thường; hồn người chết sẽ về thế giới bên kia, cái thế giới ấy chính là nghĩa địa (kklô) của làng. Chết dữ (xấu) là chết vì tai nạn (chết đuối, chết cháy, chết bị cọp bắt, đá đè, tự tử...), xác người chết không được mang vào làng, mà phải chôn tại chỗ và hồn (mhol) của những người này sẽ biến thành loại yang dữ, yang kmuik plu, chuyên làm hại, nguyên nhân của nhiều tai họa cho con người.

Người Ve có quan niệm rằng, ngay sau khi con người chết đi, sẽ lập tức xuất hiện một hồn mới là mholpo (theo tiếng Ve nghĩa là hồn bếp). Sau khi người chết đã được chôn cất,

mholplo về nhà tang gia, trú ngụ tại bếp mà khi sống người chết ấy đã sử dụng (một nhà người Ve thường có nhiều bếp) và sẽ bảo vệ, phù hộ cho các thân nhân trong gia đình (người Ve tin rằng, mholplo và thần lúa là các thế lực bảo vệ và phù hộ cho gia đình). Mholplo sẽ ở lại với tang gia đúng một năm, sau đó hồn hoá thành con ruồi không có ruột, bay về sống ở thế giới tổ tiên bên Lào và không quay trở lại trần gian nữa (!). Sau khi chôn cất xong, trong vòng một năm, ngày nào cũng vậy, trước khi tang gia ăn cơm, ông chủ nhà bao giờ cũng phải lấy ít cơm, thịt ném vào góc bếp mà khi sống, người chết vẫn sử dụng, ngũ ý mời mholplo cùng ăn. Họ tin rằng, nếu không như vậy, nó sẽ làm cho gia đình mất mùa, ốm đau.

Trong lĩnh vực sản xuất, đồng bào Ve còn nhiều mê tín, kiêng kỵ. Họ không đi chọn đất làm nương rẫy vào ngày có người chết xấu. Trên đường đi tìm rẫy, nếu gặp rắn họ trở về. Mỗi thời kỳ gieo trồng hay sinh trưởng của cây lúa họ đều tiến hành những nghi lễ phức tạp, tốn kém. Theo họ, được mùa hay mất mùa là do hồn lúa (hmol ba) quyết định. Hồn lúa hiện thân trong bà chủ lúa (klaba), còn gọi là "mẹ lúa". Mẹ lúa thường là người đàn bà chủ nhà, chủ trì việc gieo hạt cũng như việc gặt lúa, việc quản lý, phân phối lúa trong gia đình và chịu trách nhiệm cúng hồn lúa.

Qua những biểu hiện tín ngưỡng trên có thể thấy người Ve quan niệm rằng, tất cả mọi vật đang tồn tại, kể cả các dạng mà đồng bào tin đang tồn tại một cách vô hình như thần, ma, tổ tiên... cũng có hồn và có hồn trẻ, hồn già, hồn yếu, hồn mạnh, hồn nam, hồn nữ như chính bản thân cơ thể sống vậy. Tuy nhiên, phần lớn các hồn này mạnh hơn hồn của con người còn sống, nếu con người làm điều gì sai trái, các hồn kia có thể trừng phạt con người, thậm chí đánh chết hoặc ăn hồn của người sống.

Đây có lẽ chính là một phần nguyên nhân dẫn đến những luật tục khắc nghiệt trong đời sống xã hội của người Ve trước kia- luật trả nợ máu.

Trước 1945, vùng các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam thường xuyên xảy ra xung đột. Khi hai làng có chiến tranh với nhau, nếu giết được người của làng kẻ thù, người ta tin rằng, hồn và hồn ma của những người này (không giống với người chết lành, người chết xấu) biến thành một vị thần của làng, có vai trò bảo vệ không cho

làng khác đến đánh phá hoặc giết hại dân làng để trả thù.

Trước kia, khi ăn mừng chiến thắng, các chiến binh người Ve nếu giết được kẻ thù trên đất của làng quản lý sẽ về làng đâm trâu ăn mừng chiến thắng. Nếu không chặt được đầu kẻ thù, họ lấy vũ khí, quần áo của người bị giết đem về treo cùng đầu trâu hiến tế. Người Ve giải thích, đầu trâu làm lễ phải quay ra ngoài để nhìn thấy kẻ thù đang đến mà ngăn chặn. Người ta kiêng làm đầu trâu rơi xuống đất vì nếu trường hợp đó xảy ra thì giangtróchöbang (vị thần bảo hộ) sẽ bỏ đi, không phù hộ cho làng của họ.

Với người Triêng- một nhóm địa phương của người Giẻ- Triêng, chuyện sinh đẻ cũng gắn với không ít phong tục, tín ngưỡng phức tạp. Nhà có người đẻ được báo hiệu bằng một cành lá treo ở cửa trước để không cho người lạ vào. Ai không biết, vi phạm điều này sẽ bị già làng và gia chủ bắt phạt, nộp rượu thịt để làm lễ cúng vía. Trong thời gian vợ ở cũ, người chồng không được bắn ná lên trời, vì sợ làm như vậy đứa con sẽ hay khóc(?!). Hàng ngày người chồng phải đi gửi nước về để cho người vợ giặt giũ. Sau mỗi bữa ăn, người vợ cầm những cái lá gói cơm vào một cái xiên (siar) để cạnh bếp. Sau một tháng, gia đình giết gà làm lễ cúng, lấy xiên lá đó ra để đốt và coi như hết cũ; đồng thời, đứa trẻ được bối mẹ hoặc ông bà đặt tên (plê chak). Tên con không cần vần với tên bố hoặc mẹ. Ở người Triêng, khi chưa có con, người ta gọi theo tên thường, nhưng khi đã có con rồi thì gọi theo tên con đi kèm theo tiếng pap (nghĩa là "bố") hoặc tiếng nin (nghĩa là "mẹ"). Thường thì người ta chỉ gọi theo tên con cả, không kể đó là con trai hay con gái. Tập tục này có nét tương đồng với người Kinh.

Cũng như các nhóm tộc người bản địa khác, nam nữ thanh niên Triêng đến tuổi trưởng thành đều phải làm lễ cà răng (kit pưng). Lễ cà răng của người Triêng thường được tiến hành vào thời gian khi đã thu hoạch mùa màng xong xuôi (khoảng tháng 1 hoặc tháng 2 Dương lịch). Mỗi gia đình có người cà răng trong đợt đó đều phải nộp cho làng một con lợn to, nếu là nhà giàu thì nộp trâu. Một trong những ngày trước hôm làm lễ cà răng, nam nữ thanh niên, theo sự hướng dẫn của người cao tuổi, vào rừng kiếm những loại cỏ và lá cây có khả năng cầm máu để đắp lên răng sau khi cà. Mọi người phải mang trang

phục theo truyền thống của dân tộc: nam búi tóc, thả xuống dưới gáy, choàng một tấm vải (ptut) từ vai bên nọ xuống đến thắt lưng bên kia, mặc khố, tay cầm gươm hoặc dao, khiên; nữ búi tóc, nhưng búi ở trên đầu, cài tóc bằng nanh heo rừng và lông đuôi chim, cổ và tay đeo cườm và vòng.

Ngày tiếp theo, cả nam và nữ cũng lại ăn mặc như vậy, vào rừng lấy tre để đan mũ cho những thanh niên nam nữ thụ lễ. Trên mũ có những nút bông, tăng thêm vẻ khoẻ đẹp cho người đội.

Ngày thứ ba, họ kéo nhau ra sân làng hoặc ra bãi cỏ rìa làng để tiến hành cà răng. Mỗi người cà răng đều được hai người (một nam, một nữ) giúp đỡ. Cà xong, họ lấy cỏ và lá cây đã kiếm được trong những ngày trước và đã giã nhỏ, đặt vào bẹ chuối, đắp vào hai lợi để giảm đau, hâm máu và giữ răng khỏi bị tụt. Sau đó những người mới cà răng được đưa vào nằm ở nhà làng, trong khi đó, ngoài sân mọi người tiến hành lễ đâm trâu, giết gà heo để cúng thần (giàng), đồng thời canh chừng không cho khách vào làng. Cúng giàng xong, cả làng ăn uống chung. Những người cà răng được nằm lại tại nhà làng, được các gia đình cử người tới phục vụ ăn uống, sinh hoạt cá nhân. Thông thường, khoảng sau một tuần, họ trở về nhà mình. Tục cà răng ở người Triêng cũng như các dân tộc khác ở Trưởng Sơn - Tây Nguyên, có ý nghĩa như một lễ thành định. Chưa qua ngày lễ này, thanh niên nam nữ chưa có quyền đi đến hôn nhân, bị phân biệt đối xử trong sinh hoạt hằng ngày.

Người Giẻ- Triêng nói chung và người Bh'noong (một nhóm Giẻ- Triêng) ở huyện Phước Sơn tỉnh Quảng Nam nói riêng đều có lễ ăn mừng chiến thắng (pơ truh) và lễ ăn mừng được mùa (ia pôm). Trong các lễ này, người Bh'noong có quyền thực hiện nghi lễ bắt chồng, được toàn thể cộng đồng chấp thuận. Tục này được thực hiện qua lựa chọn của người con gái và sự quyết định của Hội đồng già làng. Chẳng hạn, nếu một người con gái rụt rè, nhút nhát, không biết dệt vải, lao động kém thì được Hội đồng già làng ấn định với một chàng trai khoẻ mạnh, chăm làm... Còn với cô gái siêng năng, đẹp nết, đẹp người; Hội đồng già làng chọn lựa cho chàng thanh niên lao động kém và ít siêng năng hơn... Thông qua lễ ăn mừng chiến thắng, có từ 2 đến 3 cô gái (theo quy định luật

tục bắt chồng) có quyền thực hiện làm vợ theo sự sắp xếp nói trên. Tục bắt chồng được tiến hành bí mật, chỉ có Hội đồng già làng, cha, mẹ và cô gái đó biết. Vào ngày thứ hai của lễ ăn mừng chiến thắng, già làng tiến hành lễ bắt chồng cho các cô gái; và từ đây, đôi trai gái thành vợ, thành chồng.

Theo luật tục của người Bh'noong, nếu chàng trai bị bắt làm chồng bỏ trốn hoặc vì một lý do nào đó mà không ưng người vợ tương lai của mình thì bị phạt rất nặng, thường mức phạt từ 2 đến 3 con trâu, kèm theo gà, lợn và đồ trang sức có giá trị cao. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, cách thức tìm kiếm hôn nhân này không mang tính phổ biến và có lẽ do luật tục khắt khe, người Bh'noong rất hiếm khi xảy ra chuyện ly hôn.

Cùng với việc tìm hiểu các khía cạnh khác của văn hóa các dân tộc thiểu số Quảng Nam, thông qua những biểu hiện thực hành phong tục, tập quán và nghi lễ, trong đó có gắn với không ít những điều luật tục, chúng ta có thể nhận diện được đời sống tôn giáo - tín ngưỡng truyền thống của một số tộc người tiêu biểu ở các huyện miền núi này. Cũng từ di sản quá khứ đó, có thể nhận biết để tiếp tục phát huy những tín ngưỡng - phong tục tích cực, loại bỏ dần những biểu hiện không phù hợp, giúp ích cho công việc xây dựng đời sống văn hóa đương đại của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam./.

B.Q.T

Chú thích:

1- Số liệu báo cáo của Ban Dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam năm 2004.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Lưu Hùng, "Tiềm hiểu về tập tục hôn nhân của người Cơ Tu", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2- 1995.
- 2- Khổng Diễn, "Một số đặc điểm xã hội của người Triêng ở Quảng Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4- 1977.
- 3- Phạm Quang Hoan, "Tìm hiểu người Ve ở huyện Nam Giang Quảng Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3- 1978.
- 4- Nguyễn Văn Minh, "Phong tục cưới xin của người Ve tỉnh Quảng Nam", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3- 1995.
- 5- *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, Ban Dân tộc Quảng Nam, 2005.
- 6- *Tư liệu điển dã của Bùi Quang Thanh tại Quảng Nam các năm 2005- 2006*.